

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN  
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE  
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: 812 /BSG-KTTK  
Giải trình BCTC riêng Quý 3 năm 2023  
Explanation of the separate FS  
of 3<sup>rd</sup> quarter of 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023  
Ho Chi Minh City, October 26 2023

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn  
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation  
Mã chứng khoán : SAB  
Security symbol : SAB  
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM  
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2023 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 3<sup>rd</sup> quarter 2023 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:  
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 09 month period ended 30 September		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2023	2022		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	26,974,228,200,308	29,588,124,678,073	(2,613,896,477,765)	-9%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions		16,236,553,099	(16,236,553,099)	-100%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	26,974,228,200,308	29,571,888,124,974	(2,597,659,924,666)	-9%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	22,925,368,821,638	24,834,515,207,009	(1,909,146,385,371)	-8%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	4,048,859,378,670	4,737,372,917,965	(688,513,539,295)	-15%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	2,647,563,615,618	2,219,959,196,996	427,604,418,622	19%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	50,730,599,165	45,776,042,065	4,954,557,100	11%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,709,226,284,189	2,472,374,685,395	236,851,598,794	10%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	300,897,880,564	244,891,241,634	56,006,638,930	23%

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	3,635,568,230,370	4,194,290,145,867	(558,721,915,497)	-13%
11. Thu nhập khác/ Other income	4,277,376,070	1,130,832,091	3,146,543,979	278%
12. Chi phí khác/ Other expenses	12,902,863,613	7,353,760,582	5,549,103,031	75%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	(8,625,487,543)	(6,222,928,491)	(2,402,559,052)	39%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	3,626,942,742,827	4,188,067,217,376	(561,124,474,549)	-13%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	351,345,108,703	501,143,609,800	(149,798,501,097)	-30%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	64,085,317,111	41,706,159,181	22,379,157,930	54%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	3,211,512,317,013	3,645,217,448,395	(433,705,131,382)	-12%

**Giải trình/ Explanation:**

Trong 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu và lợi nhuận thấp hơn so với năm ngoái do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, nhu cầu tiêu dùng thấp hơn và việc thực hiện chặt chẽ Nghị định 100 trong suốt quý 1, cùng với ảnh hưởng của chi phí đầu vào, chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp cao hơn.

*In first 9 months of 2023, net sales and profit was lower than last year due to the increased competition in the market, lower consumer demand and stricter implementation of Decree 100 during quarter 1, coupled with the impact of higher input costs, selling expenses and administrative expenses.*

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2023 của SABECO.

*The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 3<sup>rd</sup> quarter 2023.*

Trân trọng./.

*Yours Sincerely./.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ *As above;*
- CTHĐQT / *Chairman;*
- Lưu: VT/ *Save at the Office.*


  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**  
**Tan Teck Chuan Lester**